

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (Năm tài chính 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG



I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung trước đây là Công ty Kim khí Miền Trung, doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên Tổng Công ty Thép Việt Nam, được chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 3088/QĐ-BCN ngày 30/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty cổ phần bắt đầu đi vào hoạt động kể từ ngày 01/01/2006;

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101605 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 27/01/2011;

- Ngày 10/8/2009, cổ phiếu Công ty đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM;

- Ngày 15/12/2010, cổ phiếu Công ty được chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã chứng khoán “KMT”;

2. Quá trình phát triển:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh, xuất nhập khẩu kim khí, sắt thép, vật tư thứ liệu, phế liệu kim loại; vật tư tổng hợp, vật liệu xây dựng; Sản xuất thép xây dựng các loại; gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại; Đầu tư, kinh doanh khách sạn, văn phòng cho thuê và chung cư cao tầng; kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi; Đại lý tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

- Tình hình hoạt động: Sau khi cổ phần hoá, hoạt động Công ty phát triển ổn định, tình hình tài chính đã cải thiện đáng kể, công tác quản trị doanh nghiệp từng bước được nâng cao.

Trong những năm qua, nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của HĐQT và sự điều hành năng động, nhạy bén của Ban Tổng Giám đốc, cùng với sự cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả tương đối khả quan, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
- Doanh thu (tr.đ):	925.163	1.190.443	1.239.833
- Lợi trước thuế (tr.đ):	10.110	20.359	18.189
- Cổ tức (%):	11%	11%	11%
- Thu nhập (tr.đ/người/tháng):	4,5	6,1	6,1

3. Định hướng phát triển trong năm 2012 và những năm tiếp theo:

- Mục tiêu chiến lược của Công ty: Từng bước xây dựng Công ty trở thành một trong những Nhà phân phối hàng đầu tại Việt Nam về mặt hàng thép xây dựng, phôi thép và thép phế liệu;

- Kế hoạch đầu tư trung và dài hạn: Tập trung nghiên cứu đầu tư và triển khai các dự án nhằm khai thác hiệu quả bất động sản hiện có phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những đánh giá tổng quát về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 08/4/2011, HĐQT đã triển khai chương trình, nhiệm vụ kế hoạch công tác năm 2011 trong điều kiện tình hình thị trường thế giới diễn biến phức tạp, thị trường tài chính tiền tệ bất ổn, khủng hoảng nợ công ngày càng lan rộng tại một số nước Châu Âu; Tại Châu Á, tình hình lạm phát tăng cao ở Trung Quốc; động đất, sóng thần tại Nhật Bản... đã ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu.

Trong nước, kinh tế vĩ mô chưa ổn định, lạm phát vẫn ở mức cao tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; thị trường tài chính, thị trường bất động sản giảm sút, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đang phải đối mặt với tình trạng giá cả đầu vào tăng, lãi suất cao, hàng tồn kho lớn... Chính phủ phải áp dụng nhiều biện pháp để kiềm chế, trong đó có việc thực hiện chính sách cắt giảm đầu tư công, tạm dừng, hoãn các công trình chưa thật cần thiết; chính sách thắt chặt tín dụng của ngân hàng đối với các dự án bất động sản và ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt làm giảm sút nhu cầu... nên khối lượng tiêu thụ thép của Công ty có sụt giảm mạnh so với kế hoạch.

Tuy nhiên, năm 2011, nhờ nhận định và đánh giá tương đối sát đúng xu hướng thị trường, vì vậy Công ty đã tránh được rủi ro và tổ chức kinh doanh có hiệu quả cao.

Nhìn chung, trong năm 2011, tuy thị trường thép trong nước và thế giới diễn biến phức tạp và khó dự đoán, nhưng với sự nỗ lực, nhạy bén của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên, Công ty đã triển khai tổ chức kinh doanh có hiệu quả, thể hiện ở các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu: 1.239,833 tỷ đồng/1.400 tỷ đồng, đạt 88,56% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế: 18,189 tỷ đồng/15 tỷ đồng, đạt 121% kế hoạch;
- Cổ tức đề nghị: 11%, đạt 100% kế hoạch;

- Thu nhập bình quân: 6,1 triệu đồng/người/tháng.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Do Công ty không tham gia góp thêm vốn tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung trong đợt góp bổ sung tháng 08/2011 nên tỷ lệ nắm giữ tại Công ty này chỉ còn 27,15% (thay vì nắm giữ 30% vốn điều lệ như trước đây);

- Thành lập Chi nhánh Công ty tại tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định số 2275/QĐ-KKMT ngày 22/12/2011 của HĐQT Công ty và bắt đầu hoạt động từ 01/01/2012.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trên cơ sở Báo cáo nghiên cứu thị trường, đề xuất hướng phát triển và nghiên cứu dự án tiền khả thi đối với các tài sản Công ty do đơn vị tư vấn Công ty TNHH CB Richard Ellis (CBRE Việt Nam) lập để triển khai các dự án khả thi đến năm 2015, đồng thời kết hợp triển khai phương án cơ cấu lại tài sản, nguồn lực của Công ty theo hướng ưu tiên đầu tư cho các dự án khả thi và phát triển mở rộng mạng lưới kinh doanh – tiêu thụ thép.

4. Những công việc chưa hoàn thành:

Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ, tình hình thị trường tài chính, thị trường bất động sản suy giảm nên việc khảo sát, lập dự án đầu tư các cao ốc cũng như đầu tư kho hàng và các cơ sở kinh doanh của Công ty cần phải có thêm thời gian khảo sát, nghiên cứu khả thi.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2011:

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước 2010	Kỳ báo cáo 2011
I	Cơ cấu tài sản	%		
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	“	16,50	20,02
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	“	83,50	79,98
II	Cơ cấu nguồn vốn	%		
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	“	72,35	65,57
2	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	“	27,65	34,43
III	Khả năng thanh toán	lần		
1	Khả năng thanh toán nhanh (Tiền # tiền/Nợ ngắn hạn)	“	0,05	0,04
2	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	“	1,15	1,23
IV	Tỷ suất lợi nhuận	%		
1	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	“	3,43	3,73
2	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	“	1,30	1,11
3	Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH	“	12,39	10,85

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

+ Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn: Là một doanh nghiệp chuyên kinh doanh thương mại nên với tỷ lệ cơ cấu tài sản và nguồn vốn như trên là hợp lý, đảm bảo cho các hoạt động chính của Công ty;

+ Về đánh giá khả năng sinh lời: Năm 2011, tình hình thị trường tín dụng, tiền tệ bất ổn cùng với chi phí vốn tăng cao nên ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Do vậy tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cũng như trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2010.

- Phân tích những biến động, những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

+ Với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ đã ban hành và thực hiện nghiêm Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 như: thực hiện chính sách tài khóa thắt chặt, cắt giảm đầu tư công, giảm bội chi ngân sách Nhà nước... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất-kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

+ Có thời điểm tỷ giá ngoại tệ (USD) biến động mạnh đã ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh đối với các lô hàng nhập khẩu. Đặc biệt lãi suất vay ngân hàng quá cao đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức kinh doanh hàng nhập khẩu của Công ty trong năm 2011;

+ Giá cả thị trường thép thế giới tăng giảm thất thường đã tác động đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:

+ Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2011: 120.038.726.842 đồng;

+ Vốn góp của Cổ đông : 98.465.620.000 đồng;

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.846.562 cp;

+ Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu: 12.191 đồng/cp.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại đang lưu hành: 9.846.562 cổ phiếu.

Trong đó:

+ Cổ phiếu thường: 9.846.562 cổ phiếu;

+ Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu;

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Doanh thu năm 2011 thực hiện 1.239,833/1.400 tỷ đồng, đạt 88,56% KH và bằng 104% so cùng kỳ năm 2010; lợi nhuận trước thuế thực hiện 18,189/15 tỷ đồng, đạt 121,26% KH và bằng 89,3% so cùng kỳ năm 2010.

Tổng lượng bán ra trong năm 2011 là 79.387/110.000 tấn, đạt 72,17% KH và bằng 79,5% so cùng kỳ năm 2010 (trong đó thép nội 73.570 tấn, đạt 86,55% KH và bằng 90,37% so cùng kỳ năm 2010). Ngoài ra, trong năm 2011, Công ty còn xuất khẩu ủy thác được 9.666 tấn phôi thép.

Như vậy, so với kế hoạch năm 2011, Công ty đạt và vượt mục tiêu về lợi nhuận nhưng không đạt mục tiêu về doanh thu và lượng tiêu thụ. Nguyên nhân như đã nêu ở các phần trên.

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch Năm 2011	Thực hiện năm 2011	% so với KH
01	Doanh thu bán hàng và CCDV	1.400.000.000	1.239.878.909	88,56
02	Doanh thu thuần BH và CCDV		1.239.833.456	
03	Giá vốn hàng bán		1.169.825.220	
04	Lợi nhuận gộp		70.008.235	
05	Doanh thu hoạt động tài chính		4.293.372	
06	Chi phí tài chính		11.749.622	
07	Chi phí bán hàng		34.949.713	
08	Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.322.182	
09	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh		18.280.089	
10	Thu nhập khác		62.050	
11	Chi phí khác		153.106	
12	Tổng LN kế toán trước thuế	15.000.000	18.189.033	121,26
13	Chi phí thuế TNDN		4.418.080	
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.250.000	13.770.953	
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.399	
16	Tỷ lệ cổ tức		11%	100

Ghi chú: (*) Cổ tức năm 2011 là tỷ lệ trình Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo kết quả đầu tư:

Việc triển khai kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm qua chủ yếu ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án đáp ứng cho nhu cầu về cơ sở kinh doanh và kho hàng của Công ty.

3.1 Giá trị thực hiện trong năm 2011: (Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Danh mục	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Dự án chuyển tiếp từ năm 2010 sang và quyết toán trong năm 2011			
	Dự án kho 1,1 ha Hòa Phước, Đà Nẵng		748	
2	Dự án chuyển tiếp			
	- Thuê tư vấn khảo sát và lập dự án đầu tư tại 16 Thái Phiên, 69 Quang Trung, khu đất 1,1 ha Đà Nẵng và các cơ sở đất đai hiện có của Công ty	2.000	273,7	
	- Kho 1,5 ha Hòa Phước, Đà Nẵng	5.000	24,5	
	- Đầu tư kho hàng và cơ sở kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc	10.000		
3	Dự án khởi công mới			

Văn phòng làm việc và showroom giới thiệu sản phẩm VNSteel tại TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	3.000	1.141,1	
Tổng cộng	20.000	2.187,3	

3.2 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

- Kho 1,1 ha Hoà Phước - Đà Nẵng: đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng từ tháng 3/2011. Công ty đã tích cực tìm kiếm đối tác cho thuê ngắn hạn (từ 2-3 năm) nhưng hiện gặp khó khăn do kinh tế suy thoái;

- Dự án nghiên cứu tư vấn về bất động sản của Công ty: Công ty đã thuê đơn vị tư vấn là Công ty TNHH CB Richard Ellis Việt Nam hoàn thành Báo cáo nghiên cứu thị trường, đề xuất phát triển và nghiên cứu khả thi các bất động sản hiện do Công ty sở hữu. Trên cơ sở đó, Công ty đã có báo cáo Tcty Thép Việt Nam – CTCP xem xét chấp thuận và đã nhận được chỉ đạo tại Thông báo số 352/TB-VNS ngày 09/12/2011;

- Đối với dự án tại khu đất 1,5 ha Hoà Phước: UBND thành phố Đà Nẵng đã chấp thuận cho Công ty được khấu trừ tiền đền bù giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất 50 năm. Công ty đã hợp đồng với Ban Giải toả đền bù các Dự án Đầu tư xây dựng số 2 (Ban 2) để thực hiện việc đền bù giải phóng mặt bằng và bàn giao đất cho Công ty (dự kiến giai đoạn I bàn giao 01 ha đất).

Đến nay, Ban 2 đã hoàn thành việc đo đạc, kiểm định lập hồ sơ gửi đến Sở Tài chính thẩm định và UBND TP Đà Nẵng đã có Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường đợt I (Quyết định 496/QĐ-UBND ngày 16/01/2012 và Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 v/v phê duyệt giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn I).

- Đối với dự án Văn phòng làm việc và showroom giới thiệu sản phẩm VNSteel tại TP Buôn Ma Thuột: Công ty đã hoàn thành thủ tục thuê đất 50 năm, nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất. Công trình đã được khởi công xây dựng vào ngày 27/10/2011 và dự kiến hoàn thành vào đầu tháng 5/2012.

4. Những công việc chưa hoàn thành:

Trong năm 2011, ngoài những nội dung công việc đã đạt được như báo cáo đã nêu, còn một số mặt chưa làm được, đó là:

- Khối lượng tiêu thụ thép nội toàn Công ty chưa đạt so với kế hoạch đề ra;
- Một số khoản nợ khó đòi đã đề ra trong kế hoạch vẫn chưa thu hồi được sẽ kéo dài sang năm 2012;

- Chưa thực hiện xong thủ tục chuyển đổi chủ sở hữu các cơ sở nhà, đất Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Chưa tìm kiếm được mặt bằng phù hợp (về vị trí, giá trị, diện tích tối thiểu 300 – 500 m²...) làm cơ sở kinh doanh cho các Đơn vị trực thuộc;

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Công ty đã ký Hợp đồng với Công ty cổ phần Softech (Softech) để xây dựng Phần mềm Kế toán - Kinh doanh nhưng đến nay chưa hoàn thành. Softech đã xác nhận thực hiện chậm trễ tiến độ hợp đồng và xin được khắc phục. Trên tinh thần hợp tác, Công ty đã đồng ý cho đối tác tiếp tục triển khai.

5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý điều hành: đã đề ra nhiều giải pháp quản lý hữu hiệu; cải tiến nhiều quy trình theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008; thực hiện quản trị doanh nghiệp đồng bộ nhiều giải pháp, nhất là công tác quản trị tài chính, làm tăng tính minh bạch và hiệu quả;

- Các biện pháp kiểm soát: tăng cường công tác quản lý các mặt thông qua công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất; quản lý vốn, quản lý công nợ thông qua chế độ báo cáo và kiểm tra, đánh giá từng khoản nợ và yêu cầu xác nhận nợ định kỳ, nhằm đôn đốc thu nợ đến hạn; kiểm soát chi phí theo từng phương án kinh doanh góp phần tăng hiệu quả kinh doanh.

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Cơ cấu lại tài sản, nghiên cứu đầu tư và triển khai các dự án nhằm khai thác hiệu quả bất động sản hiện có phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới tiêu thụ tại các Tỉnh Nam Miền Trung và Bắc Miền Trung nhằm mục tiêu tăng 50% lượng thép tiêu thụ trong những năm đến.

7. Kế hoạch năm 2012:

7.1 Kế hoạch kinh doanh:

- Tổng doanh thu: 1.450 tỷ đồng;
- Khối lượng tiêu thụ: 105.000 tấn;
- Lợi nhuận trước thuế: 18 tỷ đồng;
- Cổ tức: 11%.

Nhận định tình hình năm 2012:

Tình hình kinh tế thế giới năm 2012 được dự báo tiếp tục giảm sút, kinh tế Mỹ và Nhật chưa có dấu hiệu phục hồi, khủng hoảng nợ công tại một số nước Châu Âu ngày càng trở nên xấu hơn; tại Châu Á, kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ đã chững lại sau nhiều năm tăng trưởng nóng... Trong nước, Chính phủ đặt mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát là vấn đề ưu tiên hàng đầu; lãi suất ngân hàng đứng ở mức cao; thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng... làm giảm sút nhu cầu sử dụng thép, dẫn đến sự cạnh tranh quyết liệt hơn trên thị trường thép.

Ngoài ra, việc Chính phủ tập trung tái cơ cấu vào ba lĩnh vực quan trọng nhất, đó là: Tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; Cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính; Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các Tập đoàn kinh tế và Tổng công ty Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến công tác sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp trên cả nước.

Đối với Công ty, hoạt động kinh doanh trong năm 2012 tiếp tục gặp khó khăn do các khách hàng truyền thống và các công trình thiếu vốn, áp lực nợ tăng

cao; lãi suất ngân hàng vẫn chưa giảm theo chủ trương của Chính phủ tiếp tục gây áp lực lên chi phí sử dụng vốn... gây bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012.

Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch:

**** Về công tác kinh doanh:***

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường thế giới, khu vực và trong nước; tổ chức phân tích, dự báo tình hình để khai thác các nguồn hàng nhập khẩu có giá cạnh tranh, đồng thời có kế hoạch mua hàng nhằm tổ chức kinh doanh có hiệu quả;

- Đẩy mạnh hơn nữa việc kinh doanh thép sản xuất trong nước, ưu tiên tiêu thụ sản phẩm của Tcty Thép Việt Nam-CTCP; chú trọng mặt hàng phôi thép và thép phế liệu với mục tiêu phải đạt được khối lượng kế hoạch đã đề ra. Ngoài phương thức mua bán truyền thống thông thường, xem xét phương thức phối hợp với các nhà sản xuất để chủ động xuyên suốt từ khâu nhập khẩu nguyên liệu đến khâu tiêu thụ sản phẩm (kết hợp việc bán phôi, thép phế với việc tiêu thụ các sản phẩm thép của các nhà sản xuất);

- Tiếp tục hợp tác tốt với các nhà cung cấp, nhất là đối với Tcty Thép Việt Nam-CTCP; phối hợp thông tin về giá, chính sách bán hàng, hỗ trợ công trình... nhằm khai thác nguồn hàng cạnh tranh, đưa hàng vào các công trình;

- Duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống, đồng thời tăng cường phát triển thêm khách hàng mới, đặc biệt là khách hàng dự án, nhà thầu công trình, tiếp thị bán hàng cho khách hàng thương mại;

- Củng cố và tiếp tục mở rộng hệ thống mạng lưới Chi nhánh bán lẻ của Công ty, trong đó chú trọng đến thị trường Miền Trung.

**** Về công tác quản lý:***

- Tăng cường các biện pháp quản lý bán nợ và kiểm soát chặt chẽ đối với từng khoản nợ, hạn chế nợ quá hạn; ngăn ngừa nợ khó đòi mới; tích cực đôn đốc và thu hồi nợ quá hạn, đề ra những biện pháp cụ thể và thời hạn phải thu các khoản nợ này;

- Tăng cường thẩm định và theo dõi thường xuyên tình hình tài chính của khách hàng; dừng bán hàng đối với các khách hàng có nợ quá hạn hoặc có tình hình tài chính không lành mạnh;

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí (đặc biệt là chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí giao dịch) và quản lý tốt công tác sử dụng vốn để hạn chế chi phí lãi vay; không chế chi phí đối với những đơn vị đạt hiệu quả thấp.

**** Về công tác tổ chức và lao động:***

- Tiếp tục đổi mới chất lượng lao động; xử lý, sắp xếp lại những lao động chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; tuyển dụng thêm những lao động có kinh nghiệm, năng lực làm việc ở những vị trí cần thiết để bổ sung khi hệ thống mạng lưới kinh doanh được mở rộng;

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố và mở rộng mạng lưới kinh doanh của Công ty theo phương án đã được thông qua; tiếp tục quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài.

7.2 Kế hoạch đầu tư:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh sách	Kế hoạch 2012	Tiến độ	Ghi chú
A	Dự án chuyển tiếp	14.500		
1	Toà nhà Cevimetal (chuẩn bị đầu tư) tại 16 Thái Phiên và 69 Quang Trung – TP Đà Nẵng	2.000	Quý IV	A.1
2	Kho 1,5 ha Hoà Phước – TP Đà Nẵng	1.500	Quý III-IV	A.2
3	Đầu tư kho hàng và các cơ sở kinh doanh	10.000	Quý II-IV	A.3
4	Văn phòng làm việc và showroom giới thiệu sản phẩm VNSteel tại TP Buôn Ma Thuột	1.000	Tháng 5/2012	A.4
B	Nghiên cứu đầu tư năm 2012	1.100		
1	Lập báo cáo đầu tư dự án khu nhà phố tại lô đất Miếu Bông – TP Đà Nẵng	500	Quý IV	B.1
2	Dự án kinh doanh dịch vụ sau thép	200	Quý IV	B.2
3	Xây dựng chiến lược phát triển Công ty	400	Quý III-IV	B.3
C	Chuyển nhượng bất động sản không sử dụng		Quý III-IV	
	TỔNG CỘNG	15.600		

Thuyết minh kế hoạch đầu tư năm 2012: Có bản thuyết minh kế hoạch đầu tư đính kèm

7.3 Kế hoạch lao động - tiền lương:

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT Công ty giao.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT:

STT	Nội dung	Số dư 31.12.2010	Số dư 31.12.2011
I	Tài sản ngắn hạn	378.294.390.696	294.844.991.844
01	Tiền và các khoản tương đương tiền	17.687.169.460	9.742.542.938
02	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	248.721.934	1.918.400.000
	- Đầu tư ngắn hạn	248.721.934	2.624.670.351
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(706.270.351)
03	Các khoản phải thu ngắn hạn	95.261.141.778	124.566.204.576
04	Hàng tồn kho	242.092.756.131	147.578.130.407
	- Hàng tồn kho	251.387.055.153	153.026.888.783
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.294.299.022)	(5.448.758.376)
05	Tài sản ngắn hạn khác	23.004.601.393	11.039.713.923
II	Tài sản dài hạn	74.760.065.525	73.791.842.468
01	Các khoản phải thu dài hạn	913.082.262	415.353.544
	- Phải thu dài hạn của khách hàng	3.200.238.970	3.464.556.307
	- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.719.519.566)	(3.659.841.630)
	- Các khoản phải thu dài hạn khác	432.362.858	610.638.867
02	Tài sản cố định	46.559.895.269	48.022.326.724
	- Tài sản cố định hữu hình	7.191.035.584	8.621.829.167

	- Tài sản cố định vô hình	39.280.711.380	39.185.632.837
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí XDCB dở dang	88.148.305	214.864.720
03	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	27.030.000.000	25.050.000.000
	- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(1.980.000.000)
04	Tài sản dài hạn khác	257.087.994	304.162.200
III	Tổng cộng tài sản	453.054.456.221	368.636.834.312
IV	Nợ phải trả	327.802.788.025	248.598.107.470
01	- Nợ ngắn hạn	325.364.358.887	246.231.320.535
02	- Nợ dài hạn	2.438.429.138	2.366.786.935
V	Vốn chủ sở hữu	125.251.668.196	120.038.726.842
VI	Nợ phải trả	327.802.788.025	248.598.107.470
01	- Nợ ngắn hạn	325.364.358.887	246.231.320.535
02	- Nợ dài hạn	2.438.429.138	2.366.786.935
VII	Vốn chủ sở hữu	125.251.668.196	120.038.726.842
01	Vốn chủ sở hữu	125.251.668.196	120.038.726.842
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	98.465.620.000	98.465.620.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	300.347.000	300.347.000
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.043.088)	271.552.281
	- Quỹ đầu tư phát triển	9.287.016.180	10.887.016.180
	- Quỹ dự phòng tài chính	1.683.843.191	2.459.837.436
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	775.994.245
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.519.884.913	6.878.359.700
	Tổng cộng nguồn vốn	453.054.456.221	368.636.834.312

Ghi chú: Nội dung chi tiết các báo cáo của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm 2011 xin Quý cổ đông xem tại website của Công ty: www.cevimetal.com.vn.

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm tài khoá 2011.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày.

- Các nhận xét đặc biệt: không có

+ Kiểm toán viên: Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc (Chứng chỉ KTV số 0391/KTV);

+ Kiểm toán viên: Trần Thị Nở (Chứng chỉ KTV số 1135/KTV).

2. Kiểm toán nội bộ: Báo cáo của Ban kiểm soát được đính kèm theo tài liệu này và được đăng tải trên website của Công ty.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức, công ty: Không có;
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức, công ty nắm giữ: Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP: 82,95%/vốn điều lệ Công ty;

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- + Công ty Cổ phần Thép Miền Trung: 28,506 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 27,15%;
- + Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh: 2.624.670.351 đồng;
- + Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên: 3.030.000.000 đồng.

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty có liên quan:

+ Công ty Cổ phần Thép Miền Trung:

Tên giao dịch: Central Vietnam Steel Joint Stock Company

Tên viết tắt: CSC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400682519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/12/2008 (thay đổi lần thứ 6 vào ngày 20/9/2011).

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sắt, thép, gang; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Gia công, sản xuất các sản phẩm kim loại và phế liệu kim loại.

Vốn điều lệ: 105 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đang góp vốn 28,506 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 27,15%).

+ Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh

Tên giao dịch quốc tế: HoChiMinh City Metal Corporation

Tên viết tắt: HMC

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004193 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2005 (thay đổi lần 5 ngày 16/02/2010).

Ngành nghề kinh doanh: Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu); Vật tư thứ liệu phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở), máy móc thiết bị, nông lâm hải sản, thủ công mỹ nghệ, khoáng sản sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác, gỗ và các sản phẩm về gỗ; Sản xuất gia công sản phẩm kim khí và các hoạt động phục vụ kinh doanh (kể cả sửa chữa phục hồi tân trang máy móc, thiết bị cũ) – (không sản xuất, gia công tại trụ sở); Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở); Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; Đại lý kinh doanh

xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy; Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà ở; Hợp tác lao động Quốc tế. Kinh doanh bất động sản. Bán buôn xi măng; Gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Bốc xếp hàng hóa. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ và không hoạt động tại trụ sở). Phá hủy tàu (không hoạt động tại trụ sở).

Ngày 28/11/2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép niêm yết số 84/UBCK-GPNY cho phép Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 210 tỷ đồng

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đang sở hữu 218.000 cổ phần, tương ứng với giá trị 2.624.670.351 đồng.

+ Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên:

Tên giao dịch: Thai Nguyen Iron and Steel Corporation

Tên viết tắt: TISCO

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600100155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép xây dựng, thép hình các loại; Sản xuất gang đúc và gang luyện thép; Sản xuất các loại hợp kim sắt: FeMn, FeSi, FeCr...; Công nghiệp khai thác than, sản xuất than coke và các sản phẩm sau coke; Sản xuất vật liệu chịu lửa, oxy, đất đèn, hồ điện cực; Sửa chữa ô tô, vận chuyển hàng hoá; Khảo sát thiết kế, chế tạo thi công các công trình thiết bị luyện kim; Công ty được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.

Vốn điều lệ: 1.840 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2011, Công ty đang sở hữu 300.000 cổ phần, tương ứng 3.030.000.000 đồng.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: gồm có HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, 06 Phòng/Ban nghiệp vụ và 15 Đơn vị trực thuộc, trong đó:

a/ Hội đồng quản trị: có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên, do Đại hội cổ đông bầu.

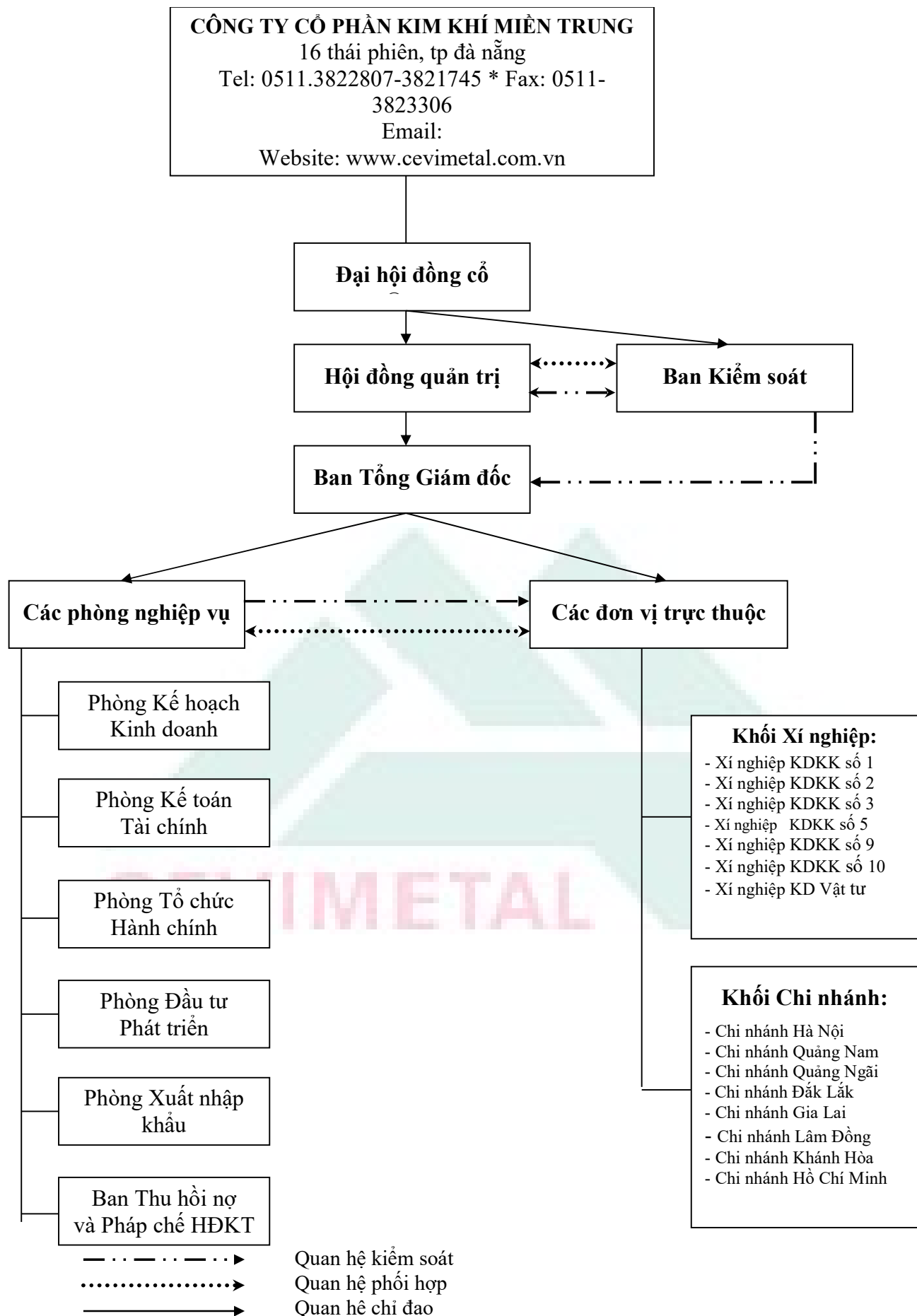
b/ Ban kiểm soát: có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Đại hội cổ đông bầu.

c/ Ban Tổng Giám đốc: có 04 thành viên, Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu, các Phó Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng Giám đốc và theo Điều lệ Công ty.

d/ Các Phòng, Ban nghiệp vụ và các Đơn vị trực thuộc Công ty:

(xem sơ đồ ở trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI CỦA CÔNG TY



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Ông Huỳnh Tấn Quế - Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1955
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Cao cấp
2. Ông Võ Văn Cả - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1954
 - Trình độ chuyên môn: Quản lý kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Trung cấp
3. Ông Nguyễn Bá Tòng - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1954
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Cử nhân
4. Ông Thân Thanh - Phó Tổng Giám đốc Công ty:
 - Sinh năm: 1965
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 - Đảng viên Lý luận chính trị: Trung cấp

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: không

- Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

+ Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Tổng Giám đốc: 1.313.727.194 đồng, chiếm 7,1%/tổng quỹ tiền lương, tiền thưởng của toàn Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:
- + Số lượng cán bộ, nhân viên đến thời điểm 31/12/2011: 195 người;
- + Chính sách đối với người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước hiện hành như: đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

- + Đối với HĐQT: không thay đổi;
- + Đối với Ban Tổng Giám đốc: không thay đổi;
- + Đối với Ban kiểm soát: không thay đổi;
- + Đối với Kế toán trưởng: không thay đổi.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát:

1.1 Hội đồng quản trị: gồm có 05 thành viên:

1. Ông Huỳnh Tấn Quế : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
2. Ông Nguyễn Văn Cảnh : Ủy viên HĐQT.
3. Ông Võ Văn Cả : Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc.
4. Ông Nguyễn Bá Tòng : Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc.
5. Ông Võ Hựu : Ủy viên HĐQT - Đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung.

- Hoạt động của HĐQT: theo Điều lệ của Công ty và Quy chế của HĐQT;

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Ông Nguyễn Văn Cảnh – Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty và Ông Võ Hựu – Đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Miền Trung;

- Hoạt động của Ban kiểm soát: theo Điều lệ của Công ty và Quy chế của Ban kiểm soát (có Báo cáo của Ban kiểm soát kèm theo).

1.2 Ban kiểm soát: gồm có 03 thành viên

1. Ông Ngô Văn Phong : Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông Lưu Thương : Thành viên
3. Ông Nguyễn Đình Chinh : Thành viên

1.3 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

1.3.1 Thù lao và chi phí HĐQT: 282.197.090 đồng, trong đó: thù lao HĐQT: 270.000.000 đồng; chi phí: 12.197.090 đồng.

Trong đó, số thù lao của từng thành viên:

- + Ô. Huỳnh Tấn Quế - Chủ tịch: 67.500.000 đồng;
- + Ô. Võ Văn Cả - Ủy viên: 56.250.000 đồng;
- + Ô. Nguyễn Văn Cảnh - Ủy viên: 56.250.000 đồng;
- + Ô. Nguyễn Bá Tòng - Ủy viên: 45.000.000 đồng;
- + Ô. Võ Hựu - Ủy viên: 45.000.000 đồng.

1.3.2 Thù lao và chi phí BKS: 40.088.719 đồng, trong đó: thù lao: 34.800.000 đồng; chi phí: 5.288.719 đồng.

Trong đó số thù lao của từng thành viên:

- + Ô. Ngô Văn Phong - Trưởng BKS : 18.000.000 đồng;

+ Ô. Lưu Thương - Thành viên : 8.400.000 đồng;

+ Ô. Nguyễn Đình Chinh - Thành viên: 8.400.000 đồng.

* Tiền lương của thành viên chuyên trách (Trưởng Ban kiểm soát): 227.068.721 đồng.

- Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

+ Thành viên HĐQT : 4/5 thành viên;

+ Ban kiểm soát : 1/3 thành viên;

+ Ban Tổng Giám đốc : 4/4 thành viên.

1.4 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

1.4.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số cổ phần cá nhân	Tỷ lệ 2011
1	Huỳnh Tấn Quế - Chủ tịch HĐQT (Đại diện 40% vốn góp TCTY Thép VN-CTCP)	66.573	0,67%
2	Võ Văn Cả - Thành viên HĐQT (Đại diện 30% vốn góp TCTY Thép VN-CTCP)	33.739	0,34%
3	Nguyễn Văn Cảnh - Thành viên HĐQT (Đại diện 30% vốn góp TCTY Thép VN-CTCP)	3.552	0,04%
4	Nguyễn Bá Tòng - Thành viên HĐQT	68.661	0,69%
5	Võ Hựu - Thành viên HĐQT	126.327	1,28%

1.4.2 Thành viên Ban điều hành không tham gia HĐQT:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2011
1	Thân Thanh - Phó Tổng Giám đốc	94.310	0,96%

1.4.3 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ 2011`
1	Ngô Văn Phong - Trưởng Ban	8.674	0,08%
2	Lưu Thương - Thành viên	16.911	0,17%
3	Nguyễn Đình Chinh - Thành viên	1.110	0,01%

Ông Ngô Văn Phong là thành viên kiểm soát độc lập.

1.5 Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

Giao dịch của cổ đông nội bộ: không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1 Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

+ Cổ đông Nhà nước (TCTy Thép Việt Nam-CTCP): 82,95%;

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông Nhà nước:

+ Tên công ty: Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (VNSTEEL)

+ Địa chỉ: 91 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất thép và kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị phụ tùng luyện kim và sản phẩm thép sau cán; Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung cho công nghiệp sản xuất thép;

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh các sản phẩm thép và nguyên nhiên liệu luyện, cán thép; phế liệu kim loại; cao su, xăng, dầu, mỡ, ga và các loại vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí và các ngành công nghiệp khác;

- Thiết kế, tư vấn thiết kế, chế tạo, thi công xây lắp các công trình sản xuất thép, các công trình công nghiệp và dân dụng; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;

- Đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nghề cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại;

- Kinh doanh, khai thác cảng và dịch vụ giao nhận, kho bãi, nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ở; đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị và bất động sản khác;

- Kinh doanh khí ôxy, nitơ, argon (kể cả dạng lỏng); cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị dẫn khí; Xuất khẩu lao động; Kinh doanh tài chính.

- Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật.

+ Số lượng/tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong Công ty 8.167.424 CP (chiếm 82,95%);

2.2 Cổ đông sáng lập:

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông sáng lập:

Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
1. Tcty Thép Việt Nam-CTCP <u>Địa chỉ:</u> 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội Đại diện phần vốn của Tcty: - Huỳnh Tấn Quế (40%) - Võ Văn Cả (30%) - Nguyễn Văn Cảnh (30%)	Phổ thông	8.167.424	81.674.240.000	82,95%
2. Ông Nguyễn Bá Tòng <u>Địa chỉ:</u> Lô 44-46 đường 30/4, Hải Châu, TP Đà Nẵng	Phổ thông	68.661	68.661.000	0,7%
3. Ông Võ Hựu <u>Địa chỉ:</u> Lô B32 Phạm Văn Đồng, Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Phổ thông	126.327	1.263.270.000	1,28%

2.3 Cổ đông nước ngoài: 04 cổ đông: 23.324 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,23% cổ phần sở hữu trong Công ty (theo danh sách chốt ngày 05/3/2012).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CEVIMETAL

Huỳnh Tấn Quế